TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ L** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **40**/2022/HNGD-ST
Ngày: *26/09/2022*
"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ L, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Biện Việt Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Quang.

2. Ông Võ Thanh Đức.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Song Yến – Thư ký Tòa án nhân thị xã L.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L: Bà Nguyễn Thị Ngọc – Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 26 tháng 09 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự về Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 13/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2022 về việc tranh chấp "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 08 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị S – sinh năm: 1991;

Nơi cư trú: Khu phố 07, phường P, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T – sinh năm: 1986;

Nơi cư trú: Khu phố 07, phường P, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn bà Nguyễn Thị S có đơn xin xét xử vắng mặt, tại đơn khởi kiện đề ngày 23/06/2021 và trong quá trình chuẩn bị xét xét xử, nguyên đơn bà Nguyễn Thị S trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị S và ông Nguyễn Văn T tự nguyện tìm hiểu, sống chung và đăng ký kết hôn năm 2009 tại UBND phường P, thị xã L, tỉnh Bình Thuận. Trong thời gian chung sống vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn. Dù cố gắng hòa giải để sống chung với nhau nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, tình cảm ngày càng rạn nứt. Nay bà S xác định tình cảm vợ chồng không còn yêu cầu được ly hôn với ông T.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Vũ Hoàng Anh (Giới tính nam), sinh ngày: 25/09/2009. Sau khi ly hôn, bà S đồng ý để ông T trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Về cấp dưỡng: Bà S đồng ý cấp dưỡng nuôi con cho ông T hàng tháng 1.500.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

** Quá trình chuẩn bị xét xử bị đơn ông Nguyễn Văn T có đơn xin xét vắng mặt, tại bản tự khai ông T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Về thời gian tìm hiểu, sống chung, năm đăng ký kết hôn và nơi đăng ký kết hôn như lời trình bày của bà S là đúng. Về yêu cầu ly hôn của bà S thì ông T đồng ý.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Vũ Hoàng Anh (Giới tính nam), sinh ngày: 25/09/2009. Sau khi ly hôn, ông T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Về cấp dưỡng: Ông T yêu cầu bà S cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 1.500.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Sau khi những người tham gia tố tụng phát biểu tranh luận và đối đáp xong, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- *Về thủ tục tố tụng:* Về việc tuân thủ theo pháp luật tố tụng quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng, xác định đúng thẩm quyền, quan hệ pháp luật, thu thập tài liệu, chứng cứ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đảm bảo cho việc ra quyết định, bản án đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thể hiện sự vô tư khách quan khi xét xử. Kiểm sát viên phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tham gia tố tụng, nguyên đơn và bị đơn đã chấp hành đúng các quy định về quyền, nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về sự vắng mặt của nguyên đơn và bị đơn, trước khi mở phiên tòa đã có đơn xin xét xử vắng mặt, vì vậy Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo quy định điểm a khoản 02 Điều 227, khoản 01 Điều 228 Bố luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung vụ án:* Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu ly hôn của bà S, chấp nhận yêu cầu về nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con của ông T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà Nguyễn Thị S có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn, tranh chấp về nuôi con với ông Nguyễn Văn T đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Ông T cư trú tại khu phố 07, phường P, thị xã L, tỉnh Bình Thuận nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận theo điểm a khoản 01 Điều 35; khoản 01 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của bà S và ông T: Trước khi mở phiên tòa bà S và ông T đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy, việc xin vắng mặt là ý chí, nguyện vọng của nguyên đơn, bị đơn. Vì vậy, Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo quy định khoản 01 Điều 228 Bố luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị S và ông Nguyễn Văn T đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND phường P, thị xã L, tỉnh Bình Thuận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 49 ngày 09/06/2009. Trong thời gian chung sống vợ chồng bà S trình bày ông bà không hợp nhau, thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn. Ông T cũng thừa nhận vợ chồng sống với nhau thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Do đó Hội đồng xét xử có căn cứ xác định mâu thuẫn giữa bà S và ông T là có thật. Luật hôn nhân và gia đình quy định vợ chồng thì phải biết thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau cùng xây dựng gia đình hạnh phúc đồng thời phải biết tôn trọng, giữ gìn danh dự, nhân phẩm, uy tín cho nhau nhưng thực tế cuộc sống hôn nhân của bà S và ông T không còn hạnh phúc, ông bà không còn quan tâm, tôn trọng, tin tưởng nhau nên hạnh phúc gia đình ngày càng rạn nứt. Việc bà S khởi kiện yêu cầu được ly hôn thì ông T đồng ý.

Xét thấy, mâu thuẫn của bà S và ông T đã làm hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc bà S yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông T là hoàn toàn chính đáng nên được chấp nhận.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Vũ Hoàng Anh (Giới tính nam), sinh ngày: 25/09/2009. Hiện nay cháu Anh đang ở với ông T. Vì vậy, để đảm bảo ổn

định môi trường sống và sinh hoạt hàng ngày của cháu Anh nên để ông T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu và phù hợp với nguyện vọng của ông T.

- Về cấp dưỡng: Việc ông T yêu cầu bà S cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 1.500.000 đồng, bà S cũng đồng ý với yêu cầu của ông T. Xét, yêu cầu của ông T là hoàn toàn phù hợp nên được chấp nhận.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về án phí: Bà Nguyễn Thị S là nguyên đơn và có nghĩa vụ cấp dưỡng nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình và cấp dưỡng nuôi con theo quy định theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 05, điểm a khoản 06 Điều 27 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 28; Điểm a khoản 01 Điều 35; Khoản 01 Điều 39; Điều 147; Khoản 01 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51; Điều 53; Điều 54; Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 107; Điều 116; Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 05, điểm a khoản 06 Điều 27 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị S.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị S được ly hôn ông Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Vũ Hoàng Anh (Giới tính nam), sinh ngày: 25/09/2009 cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng: Bà S cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng) cho ông T cho đến khi con thuộc một trong các trường hợp tại Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình quy định.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Sau khi ly hôn bà S và ông T vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Bà S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con.

- Về án phí: Bà Nguyễn Thị S phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai số 0004775 ngày 06/01/2022 do Chi cục Thi hành án dân sự thị xã L thu. Bà S còn phải nộp thêm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7, 7A,7B và 9 Luật thi hành án dân sự thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Quyền kháng cáo bản án của bà Nguyễn Thị S và ông Nguyễn Văn T là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND thị xã L;*
- *Chi cục THA dân sự thị xã L;*
- *UBND nơi đăng ký kết hôn: UBND phường Bình Tân, thị xã L;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Biện Việt Hùng